

Bản án số: 11/2018/DS-ST.

Ngày: 31/ 7/ 2018.

***“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”.***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Đình Toàn.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 31/ 7/ 2018, tại trụ sở, TAND huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/ 2018/ TLST-DS ngày 13/ 3/ 2018 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/ 2018/ QĐXXST - DS ngày 29/ 6/ 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-DS ngày 16/ 7/ 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị L, sinh năm 1969 và ông Phan Văn M, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh G.

Bà L và ông M đều có mặt tại phiên tòa, ông D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Hà Thị L trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết giữa ông, bà và ông D, nên vào ngày 05/11/2015, ông Hoàng Đình D qua nhà ông, bà nói chuyện làm nhà nhưng còn thiếu tiền và ngỏ lời muốn vay vợ chồng ông, bà số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc, ông, bà nể tình chị em hàng xóm nên đồng ý cho ông D vay số tiền trên. Đến ngày 11/11/2015, ông D mới qua nhà ông, bà nhận tiền, khi giao tiền cho ông D ông, bà có ghi vào sổ ghi nợ, ông D có ký và ghi rõ họ tên vào sổ. Khi mượn tiền ông D có hẹn khi nào ông, bà cần thì nói trước hai đến ba ngày để ông D chuẩn bị tiền trả. Ông, bà lúc đó chỉ nói miệng là cho ông D mượn một năm rồi hoàn trả chứ không ghi trong sổ ghi nợ. Trong nội dung giấy mượn nợ ông, bà có ghi D H mượn tiền, H là vợ của ông

D là do quen tay và hay thường gọi cả tên hai vợ chồng chứ thực tế bà H không có đi mượn tiền cùng ông D, nên bà H không liên quan đến việc mượn tiền giữa ông, bà và ông D.

Trong quá trình mượn nợ, thì ông D chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông, bà, nay thời gian mượn nợ đã lâu ông, bà cũng đã nhiều lần yêu cầu ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông, bà nhưng ông D không thực hiện được. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu ông D phải trả cho ông, bà số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Hoàng Đình D phải trả cho ông, bà số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng làm một lần.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là ông Hoàng Đình D thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Hoàng Đình D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông D đến Tòa án làm việc để nhận thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do và ông D đã từ chối nhận văn bản tố tụng, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do vụ án hai lần không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 16/7/2018 và tại phiên tòa hôm nay (*ngày 31/7/2018*), mặc dù đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng ông D luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Hà Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Đình D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc đã mượn và hiện còn nợ là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Ông M và bà L là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý đơn khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Hà Thị L giao nộp cho Tòa án cùng với đơn khởi kiện là giấy mượn tiền được viết tay trên giấy kẻ ngang, mặt sau có chữ nhưng đã bị gạch bỏ, có ghi nội dung:

11/ 11/ 2015

D H có mượn M

Liên với số tiền là: 10.000.000 đ

Viết bằng chữ (Mười triệu đồng chẵn)

Người vay..

(ghi rõ họ tên) *Hoàng Đình D*

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp người mượn tiền đã ghi rõ họ tên Hoàng Đình D và được ông D mặc nhiên thừa nhận vì Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng đến cho ông D hợp lệ và ông D cũng biết rõ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng trốn tránh, cố tình vắng mặt mà không có ý kiến trình bày, đồng thời chứng cứ hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Đình D phải trả lại số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, nhưng ông D từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và luôn trốn tránh, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập; không tham gia vào quá trình tố tụng sơ thẩm đã thể hiện việc ông tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện ông là người có mượn tiền của ông M, bà L và đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M, bà L, nên khi ông M, bà L khởi kiện thì ông D phải có nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng thì HĐXX xét thấy việc buộc bị đơn ông Hoàng Đình D phải trả nợ cho nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Hà Thị L là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 3 Điều 144; khoản 1 và khoản 5 Điều 147; 227; 228; 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Hà Thị L. Buộc bị đơn ông Hoàng Đình D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là ông Hoàng Đình D thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Hoàng Đình D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Văn M và bà Hà Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007221 ngày 12/3/2018 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo nêu trên của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai.
- VKSND huyện Kbang.
- THAND huyện Kbang.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai.
- VKS KBang.
- THA KBang.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa